TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89**/2017/DS-ST

Ngày: 29 tháng 9 năm 2017

V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Đỗ Thị Thúy Năng.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Thanh Trà.**

2. Ông **Huỳnh Tiễn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Lê Mai Ly**, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2017/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2017/QĐST - DS ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A**

Trụ sở: SốA, phường L, quận D, thành phố Hà Nội. Trụ sở cũ: số B, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông A - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông H - sinh năm 1995. Địa chỉ: Số E, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Văn bản ủy quyền số 404/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 25/7/2017)(có mặt).

2. Bị đơn: Bà **N** - sinh năm 1980

Địa chỉ: Số A, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

Ngày 29/4/2014 Ngân hàng TMCP A và bà N có ký đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140515-142003-0013. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng cho bà N vay số tiền 31.500.000 đồng (trong đó có 1.500.000 đồng là tiền đóng bảo hiểm hợp đồng) với lãi suất 2.91%/tháng để tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 24 tháng, tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 44.234.000 đồng, trả vào ngày 16 hàng tháng, trong đó 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.844.000đ, bắt đầu từ ngày 16/6/2014, tháng cuối cùng trả 1.822.000đ. Bà N đã nhận đủ số tiền trên.

Thực hiện hợp đồng, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng 8 kì với tổng số tiền 16.568.000đ (trong đó tiền gốc là 9.339.852đ, tiền lãi là 7.288.148đ). Kể từ ngày 18/3/2015 bà N không thanh toán nữa dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Tính đến ngày 29/9/2017, bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 27.666.000đ, trong đó nợ gốc là 22.160.148đ và nợ lãi là 5.505.852đ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà N phải trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa nhiều lần đối với bà N để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà N đều không có mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng bà N vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung:

Ngày 29/4/2014, bà N đã ký vào đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng). Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã cho bà N vay số tiền 31.500.000 đồng (trong đó có 1.500.000 đồng là tiền đóng bảo hiểm hợp đồng) với lãi suất 2.91%/tháng để tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 24 tháng, tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 44.234.000 đồng, trả vào ngày

16 hàng tháng, trong đó 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.844.000đ. Bắt đầu trả từ ngày 16/6/2014 .Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N chỉ thanh toán được 8 kỳ và không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng như đã cam kết.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu bà N phải trả tổng số tiền: 27.666.000đ, trong đó: Tiền nợ gốc là 22.160.148đ và tiền lãi là 5.505.852đ.

Xét yêu cầu của Ngân hàng thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 18/3/2015 bà N đã thanh toán cho Ngân hàng được 8 tháng với tổng số tiền 16.568.000đ. Kể từ ngày 18/3/2015 cho đến nay bà N không thanh toán cho Ngân hàng nữa, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, như vậy bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng qui định tại Điều 4 trong điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ mà bà đã ký với Ngân hàng ngày 29/4/2014. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 27.666.000đ, trong đó nợ gốc là 22.160.148đ và nợ lãi tính đến ngày 29/9/2017 là 5.505.852đ là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Án phí DS - ST bà N phải chịu theo qui định của pháp luật là : 27.666.000đ x 5% = 1.383.300đ.

Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho Ngân hàng thương mại cổ phần A đã nộp là: 691.650đ theo biên lai thu số 9591 ngày 19/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với bà N.

Xử:

1. Buộc bà N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền: 27.666.000đ, trong đó nợ gốc là 22.160.148đ và nợ lãi tính đến ngày 29/9/2017 là 5.505.852đ.

2. Án phí DS - ST bà N phải chịu: 1.383.300đ.

3. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho Ngân hàng TMCP A đã nộp là: 691.650đ theo biên lai thu số 9591 ngày 19/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng